

SỞ Y TẾ AN GIANG
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 189 /CC.ATVSTP-NV

An Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2018

V/v cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ
điều kiện an toàn thực phẩm từ ngày
01-31/05/2018

Kính gửi:

- Cục An toàn thực phẩm;
- Sở Y tế An Giang.

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BYT ngày 22/10/2012 của Bộ Y tế Quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế Quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;

Căn cứ công văn số 437/ATTP-ND ngày 03/03/2015 của Cục An toàn thực phẩm về việc báo cáo số liệu cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh An Giang báo cáo như sau:

Trong tháng 05/2018, Chi cục và các huyện/thị/thành phố đã tiếp nhận, cấp 55 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và tuyến xã/phường/thị trấn cấp 707 Bản cam kết (Đính kèm Phụ lục)./.
Leanh

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P. NV.

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Chí Công

PHỤ LỤC: BÁO CÁO SỐ LIỆU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
DO NGÀNH Y TẾ QUẢN LÝ THÁNG 05 NĂM 2018

BẢNG 1. Báo cáo số liệu cấp GCN đối với dvau theo đơn vị quản lý

TT	Đơn vị quản lý	Tỉnh/thành phố	Quận/huyện	Xã/phường	TÁĐP
1	Cơ sở có đăng ký kinh doanh (1)	06	36		
2	Cơ sở không có đăng ký kinh doanh (2)			649	58
3	Đã cấp (3)	06	36	649	58
4	Tổng (4) = (1) + (2)	06	36	659	58

BẢNG 2. Báo cáo số liệu cấp GCN đối với nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

TT	Loại hình	Tổng số	Sản xuất		Kinh doanh		Lũy tích
			Tổng	Đã cấp	Tổng	Đã cấp	
1	Nước khoáng thiên nhiên			00		00	00
2	Nước uống đóng chai	140	140	08		00	08
3	Nước đá	110	110	05		00	05
4	Bao bì, dụng cụ vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm	06	06	00		00	00

BẢNG 3. Báo cáo số liệu cấp GCN đối với thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm

TT	Loại hình	Tổng số cơ sở (1)=(2)+(4)+(5)	Sản xuất nhỏ lẻ		Kinh doanh nhỏ lẻ			Lũy tích (7)=(3)+(6)
			Tổng (2)	Đã cấp (3)	Không thuộc điện phải cấp (4)	Thuộc diện phải cấp (5)	Đã cấp (6)	
1	Thực phẩm chức năng	04	04	00			00	00
2	Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	01	01	00			00	00
3	Phụ gia thực phẩm	06		00		06	00	00
4	Chất hỗ trợ chế biến	00		00			00	00

